

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS - PT.
Ngày 10 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 40/2019/DS - PT ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/TLST - ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74 /2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc B - sinh năm 1961 (có mặt);

Cư trú tại: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Trần Thị Đ- sinh năm 1967 (có mặt);

Cư trú tại: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1974 (vợ ông Vũ Ngọc B);

Cư trú tại: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, ủy quyền cho ông Vũ Ngọc B thay mặt tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 03/01/2019).

2. Anh Vũ Ngọc K- sinh năm 1990;

Cư trú tại: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (con chung của ông Vũ Ngọc B, Bà Nguyễn Thị H) ủy quyền cho ông Vũ Ngọc B thay mặt tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 04/01/2019).

3. Chị Vũ Thị Hồng N- sinh năm 1997 (con ông Vũ Ngọc B, Bà Nguyễn Thị H); cư trú tại: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, ủy quyền cho ông Vũ Ngọc B thay mặt tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 04/01/2019).

4. Cụ Đào Thị L- sinh năm 1927; cư trú tại: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (mẹ chồng bà Trần Thị Đ) ủy quyền cho bà Trần Thị Đ.

5. Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1968; cư trú tại: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (chồng bà Trần Thị Đ), ủy quyền cho bà Trần Thị Đ thay mặt tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 27/12/2018).

6. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình H; chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, có đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T; chức vụ: Trưởng Phòng tài nguyên- Môi trường huyện C, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(Những người liên quan Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Vũ Ngọc B trình bày: Năm 1987, vợ chồng ông Vũ Ngọc B được bố mẹ vợ cho 01 thửa ruộng trồng lúa tại xứ Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ngày 22/10/1999, gia đình ông B được UBND huyện S(nay là C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSD) đất đứng tên chủ hộ sử dụng là ông Vũ Ngọc B. Theo Giấy CNQSD đất, thửa ruộng có số thửa là 322, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), diện tích 264m², loại đất ruộng 02 lúa, tại xứ Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Từ năm 1987 đến trước khi xảy ra tranh chấp, gia đình ông B vẫn canh tác thường xuyên, ổn định tại thửa ruộng này. Ngày 27/6/2018, bà Trần Thị Đ tự ý đến sử dụng thửa ruộng đó. Khi gia đình ông B can ngăn thì bà Đ dùng lời lẽ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe và không cho gia đình ông B tiếp tục sử dụng thửa đất ruộng số 322. Chính quyền địa phương khu, xã T đã nhiều lần hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Đ trả lại quyền sử dụng thửa đất ruộng số 322, diện tích 264m² (Đo thực tế là 347,3m²) tại xứ Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho gia đình ông Vũ Ngọc B.

Bị đơn là bà Trần Thị Đ trình bày: Bố mẹ chồng bà Trần Thị Đ là các cụ Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1927, Đào Thị L-sinh năm 1927. Năm 1996 cụ Đ chết, cụ L hiện ở cùng vợ chồng bà Trần Thị Đ; các cụ Đ, L có thửa ruộng số 322, diện tích 142m² tại xứ Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ngày 08/10/1992, ông Đ đã kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất ruộng này. Nhưng UBND xã T, UBND huyện S(nay là C) không giao thửa ruộng đó cho gia đình các cụ Đ, cụ L, mà lại giao cho gia đình ông Vũ Ngọc B sử dụng. Năm 2017, phát hiện gia đình ông Vũ Ngọc B đang sử dụng thửa ruộng số 322 nên Cụ Đào Thị L ủy quyền cho bà Trần Thị Đ đòi lại thửa ruộng số 322. Ngày 27/6/2018, bà Trần Thị Đ đến sử dụng thửa ruộng số 322 và không đồng ý cho gia đình ông B tiếp tục sử dụng nữa. Nay ông Vũ Ngọc B khởi kiện đòi bà Đ trả lại quyền sử dụng thửa ruộng số 322, thì bà Đ không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là UBND xã T do ông Nguyễn Đình H là người đại diện trình bày: Hộ ông Vũ Ngọc B đang sử dụng thửa đất số 322, tờ bản đồ số 08, diện tích 264m², loại đất 2 lúa, tại xứ Đ, Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện S(nay là C) cấp Giấy CNQSD đất

ngày 22/10/1999. Nguồn gốc thửa đất trên là Hợp tác xã nông nghiệp xã Tgiao cho hộ ông Vũ Ngọc B theo Nghị định 64/NĐ-CP từ năm 1993. Hộ ông B đã sử dụng liên tục, ổn định từ khi được giao cho đến năm 2018. Tháng 6/2018, bà Trần Thị Đ cho rằng thửa ruộng đó của bố mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Văn Đ, Đào Thị L được giao theo bảng kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1992 nên xảy ra tranh chấp. Quan điểm của UBND xã Tlà: Thửa đất ruộng tranh chấp đã được nhà nước giao, cấp Giấy CNQSD đất và được hộ gia đình ông B sử dụng liên tục, ổn định từ khi được giao đến năm 2018, nên quyền lợi của hộ gia đình ông B cần được bảo vệ. Bà Trần Thị Đ từ trước đến nay chưa bao giờ sử dụng thửa đất trên, chỉ dựa vào bảng kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1992 không có chữ ký, dấu của HTX nông nghiệp xã T để đòi quyền sử dụng thửa ruộng số 322 là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là UBND huyện C do ông Nguyễn Quốc T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Hộ ông Vũ Ngọc B đang sử dụng thửa đất số 322, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), diện tích 264m², loại đất 2 lúa, tại xứ Đ, Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện S(Nay là C) cấp Giấy CNQSD đất theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22/10/1999. Theo bản đồ VN2000, thửa ruộng đó có số thửa 443, tờ bản đồ số 18, diện tích 347,3m² (Tăng 83,3m² là do sai số khi đo đạc và tính toán diện tích giữa hai phương pháp đo đạc). Việc cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Vũ Ngọc B đối với thửa ruộng số 322 là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/TLST - ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 221, Điều 235 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Ngọc B về việc: yêu cầu bị đơn là bà Trần Thị Đ phải trả lại quyền sử dụng thửa đất số 322, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), diện tích 264m² (Đo thực tế là 347,3m²), loại đất 2 lúa, tại xứ Đ, Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 13/6/2018 Cụ Đào Thị L và bà Trần Thị Đ kháng cáo với nội dung: Không nhất trí bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/TLST -DS ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Đ được Cụ Đào Thị L ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/TLST - DS ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của Cụ Đào Thị L và bà Trần Thị Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thửa ruộng số 322, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), diện tích 264m² tại xứ Đ, Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ có nguồn gốc của các cụ Nguyễn Khắc T, cụ Phùng Thị P được hợp tác xã nông nghiệp T giao khoán 100 - Chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư. Khi ông Vũ Ngọc B kết hôn với chị Nguyễn Thị H (con gái cụ T, cụ P) các cụ cho ông B sử dụng thửa ruộng 322 này. Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ/TW ngày 05/4/1988, lúc đầu Hợp tác xã nông nghiệp T có kế hoạch rút thửa ruộng số 322 giao cho hộ cụ Nguyễn Văn Đ (bố chồng bà Đ) và có bản nháp kê khai đăng ký nhưng sau đó gia đình cụ T, cụ P không đồng ý nên Hợp tác xã nông nghiệp T đã lấy thửa ruộng của gia đình bà Lê Thị Ng ở xứ đồng Gốc Khế giao bù vào phần ruộng còn thiếu cho gia đình cụ Nguyễn Văn Đ, nay là thửa ruộng số 07 có diện tích 280m² mà hiện nay gia đình bà Nguyễn Thị Đ đang canh tác. Từ khi được giao đất nông nghiệp gia đình bà Nguyễn Thị Đ và gia đình ông Vũ Ngọc B đều sử dụng ổn định, lâu dài. Năm 1999 ông Vũ Ngọc B đã được Ủy ban nhân dân huyện S (nay là C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00052/QSDĐ/Q1 ngày 22/10/1999, trong quá trình sử dụng thửa đất không có tranh chấp hoặc chuyển nhượng, tặng cho ai từ đó đến khi xảy ra tranh chấp với bà Đ (năm 2018). Hơn nữa, từ khi thửa đất ruộng trên được giao cho gia đình ông Vũ Ngọc B sử dụng (năm 1992) cho đến khi xảy ra tranh chấp là 26 năm, cụ Đắc, cụ L và bà Đ đều không có ý kiến gì. Điều đó cho thấy, thửa đất trên đã được chính quyền địa phương giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo quy định của nhà nước. Đồng thời, chính quyền địa phương tham gia tố tụng với tư cách là cơ quan quản lý đất đai của xã T cũng xác nhận thửa đất số 322, tờ bản đồ số 8, xác định là đất của hộ ông Vũ Ngọc B đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp gì từ khi nhận ruộng đến nay, cần được pháp luật bảo vệ (BL 64). Còn đối với gia đình bà Trần Thị Đ từ trước đến nay chưa sử dụng thửa đất nêu trên bao giờ, nay chỉ dựa vào tờ kê ruộng không có chữ ký và dấu của Hợp tác xã nông nghiệp mà gia đình đang lưu giữ, tự ý tranh chấp đất ruộng, cây lúa 02 vụ nay là không có cơ sở, cần được pháp luật xem xét (BL 64). Việc Ủy ban nhân dân xã T giao thửa đất ruộng số 322 nêu trên và Ủy ban nhân dân huyện S (nay là C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng đó cho hộ ông Vũ Ngọc B là đúng với quy định tại Nghị quyết số 10-

NQ/TW ngày 05/4/1988, Nghị định 64-NĐ/CP ngày 27/9/1993 và Luật đất đai năm 1993.

Do vậy, kháng cáo của Cụ Đào Thị L bà Trần Thị Đ là không có cơ sở không được chấp nhận.

[2]. Về án phí: Cụ Đào Thị L bà Trần Thị Đ được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 221, Điều 235 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Cụ Đào Thị L, bà Trần Thị Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/TLST -DS ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Ngọc B về việc: yêu cầu bị đơn là bà Trần Thị Đ phải trả lại quyền sử dụng thửa đất số 322, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299), diện tích 264m² (Đo thực tế là 347,3m²), loại đất 2 lúa, tại xứ Đ, Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự đối với Cụ Đào Thị L, bà Trần Thị Đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

